

TÍNH CHỌN LỌC CỦA NHẬP CƯ TỈNH ĐỒNG NAI

TRƯƠNG VĂN TUẤN*

TÓM TẮT

Trong hơn hai thập kỉ qua, Đồng Nai là một trong các tỉnh có số người nhập cư cao. Số lượng và chất lượng người nhập cư đã tác động rất lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội, đến sự phát triển kinh tế của tỉnh. Chất lượng và số lượng người nhập cư của tỉnh được chọn lọc bởi tính chất, mục đích, loại hình, khoảng cách của... di cư. Bài báo này giới thiệu tính chọn lọc của người di cư được thể hiện qua kết quả nghiên cứu một số đặc điểm chính của người nhập cư ở tỉnh Đồng Nai trong hơn hai thập kỉ qua.

Từ khóa: di cư Đồng Nai, tính chọn lọc của dân nhập cư, chọn lọc giới tính và tuổi, chọn lọc về nghề nghiệp.

ABSTRACT

The selectivity of immigrants' characteristics in Dong Nai province

In the past two decades, Dong Nai has been one of the provinces with a high number of immigrants. The quantity and quality of immigrants has a great effect on every field of the social life and economic development of the province. The quantity and quality of immigrants is selected by the criteria such as properties, purposes, types, and distance of the immigration. This article introduces the selectivity of the immigrants through the survey on several main characteristics of immigrants in Dong Nai province in over two decades.

Keywords: the immigration of Dong Nai, the selectivity of the immigrants, the selectivity of gender and age, the selectivity of career.

Tác động của di cư đến sự phát triển kinh tế - xã hội phụ thuộc vào số lượng và chất lượng của người di cư. Chất lượng người di cư thường được chọn lọc theo những quy luật của nó. Do đó, nghiên cứu tính chọn lọc của di cư giúp ta thấy và dự báo được đặc điểm, chất lượng của người di cư. Vì ý nghĩa đó mà trong những năm gần đây, các nhà khoa học đã rất quan tâm đến vấn đề này. Ở nước ta đã có bài báo của Nguyễn Viết Thịnh và Đỗ Thị Minh Đức công bố kết quả nghiên cứu của mình về di cư và tính chọn lọc của di cư [5]. Bài báo này giới

thiệu kết quả nghiên cứu về tính chọn lọc của nhập cư ở một tỉnh có rất nhiều người nhập cư và đã có những tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội trong một thời gian dài: tỉnh Đồng Nai.

1. Tính chọn lọc của di cư

Các nghiên cứu về di cư cho thấy, không phải ai cũng chấp nhận và có khả năng di chuyển khỏi “nơi chôn nhau cắt rốn” của mình; những người chấp nhận di chuyển, có khả năng di chuyển và đã di chuyển có một số đặc điểm cơ bản, những đặc điểm này được chọn lọc bởi tính chất, mục đích, loại hình, khoảng cách... của di cư. Sự chọn lọc người di cư thể hiện rõ nhất về tuổi, về giới tính,

* ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

về nghề nghiệp và về mức độ tham gia lao động.

Chọn lọc về tuổi: Vì di cư trước hết là di chuyển lao động nên thành phần tham gia di chuyển chủ yếu là những người trong độ tuổi lao động. Thống kê của Tổng cục thống kê (TCTK) cho thấy, ở Việt Nam có khoảng 60% người di cư là nam và 66% người di cư là nữ ở độ tuổi 15-29. Tỷ trọng tương ứng của người không di cư là 25% và 29% [7]. Chính vì thế những vùng nhập cư thường có dân cư trẻ hơn.

Chọn lọc về giới tính: Giới tính của dân di cư tùy thuộc vào khoảng cách di chuyển, mục đích di cư, loại hình di cư, nhu cầu lao động của nơi đến, và tùy thuộc vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của nơi đến. Vì thế giới tính của người di cư sẽ thay đổi theo từng giai đoạn. Thường thì tỉ lệ nam/nữ trong dân di cư chênh lệch nhau.

Chọn lọc về nghề nghiệp: Trình độ chuyên môn kỹ thuật tùy thuộc vào nơi xuất cư và nhu cầu lao động nơi nhập cư, vào khoảng cách di chuyển. Trong đó đáng chú ý là lực lượng dân di cư có trình độ chuyên môn, trình độ tay nghề cao chiếm tỉ lệ lớn ở những nơi có điều kiện thuận lợi, tỉ lệ này càng thấp ở những nơi khó khăn hơn. “Người di cư dài hạn thường có trình độ học vấn cao hơn người di cư tạm thời” (Guest, 1998).

Chọn lọc về mức độ tham gia lao động: Vì di cư trước hết là di chuyển lao động với mục đích kinh tế, nên so với người không di cư, người di cư tham gia lao động với mức độ cao hơn [8], do đó

người di cư là bộ phận cấu thành quan trọng của lực lượng lao động ở những nơi họ đến.

2. Tính chọn lọc của nhập cư ở tỉnh Đồng Nai

Trong vòng 10 năm trở lại đây, Đồng Nai là một trong những tỉnh có số người nhập cư lớn và tăng đột biến, đặc biệt là nhập cư lao động (tỉ suất nhập cư giai đoạn 1994-1999 là 62,7%, giai đoạn 2004-2009 là 104%) [1, tr.6]. Lao động nhập cư với những đặc điểm của nó đã trở thành một bộ phận dân cư rất quan trọng, tác động mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đặc điểm nhập cư vào tỉnh trong vòng 10 năm qua chịu tác động bởi nguyên nhân kinh tế là chính. Trong đó, sự phát triển mạnh mẽ các ngành công nghiệp xuất khẩu có giá thành sản xuất thấp (các ngành công nghiệp chế biến, các ngành công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật thấp như: dệt may, giày da, linh kiện điện tử...) đã tạo ra luồng nhập cư công nghiệp lớn với những đặc điểm riêng biệt của nó, những đặc điểm đó là do tính chọn lọc của di cư quy định. Tính chọn lọc trong dân nhập cư ở tỉnh thể hiện rõ nhất ở *tuổi* và *giới tính*, ở *nghề nghiệp* và *mức độ tham gia lao động*.

2.1. Chọn lọc về tuổi và giới tính

2.1.1. Chọn lọc về tuổi

Theo quy luật, có sự khác biệt lớn về kết cấu tuổi và giới tính của những người di cư và không di cư. Những người không di cư thường có kết cấu dân số theo tuổi ổn định. Ngược lại, nhờ chọn lọc, người di cư có cơ cấu dân số theo

tuổi thay đổi rất nhiều, tỉ trọng của nhóm tuổi lao động, nhất là tuổi lao động sung sức (từ 15-35 tuổi) cao hơn hẳn.

Di cư trước hết là di chuyển lao động. Động lực chính của nhập cư đến Đồng Nai trong vòng 10 năm trở lại đây là việc làm và thu nhập, trong đó, trực tiếp nhất là việc làm từ sự phát triển công nghiệp. Vì thế, thành phần tham gia di chuyển chủ yếu là những người trong độ tuổi lao động. Bảng 1 và biểu đồ 1 cho

thấy, tỉ lệ của người nhập cư theo nhóm tuổi trong độ tuổi lao động chiếm tỉ lệ áp đảo (chiếm 79,4% số người nhập cư giai đoạn 1994-1999 và 91,3% giai đoạn 2004-2009). Tuổi của người nhập cư cực đại trong khoảng từ 20-39 và chiếm đến 46,8% tổng số người nhập cư giai đoạn 1994-1999 và 58,1% giai đoạn 2004-2009; đây là nhóm tuổi lao động sung sức nhất, nhóm tuổi lao động mà các khu công nghiệp ở tỉnh có nhu cầu cao (xem bảng 1).

Bảng 1. Tương quan giữa số lượng dự án các khu công nghiệp và số người nhập cư ở Đồng Nai giai đoạn 1999-2009

Số dự án	364 (Đến 7-2002)	684 (Đến 5-2011)	Tăng 1,9 lần
Số người nhập cư	112 553 (1994-1999)	235 048 (2004-2009)	Tăng 2,1 lần

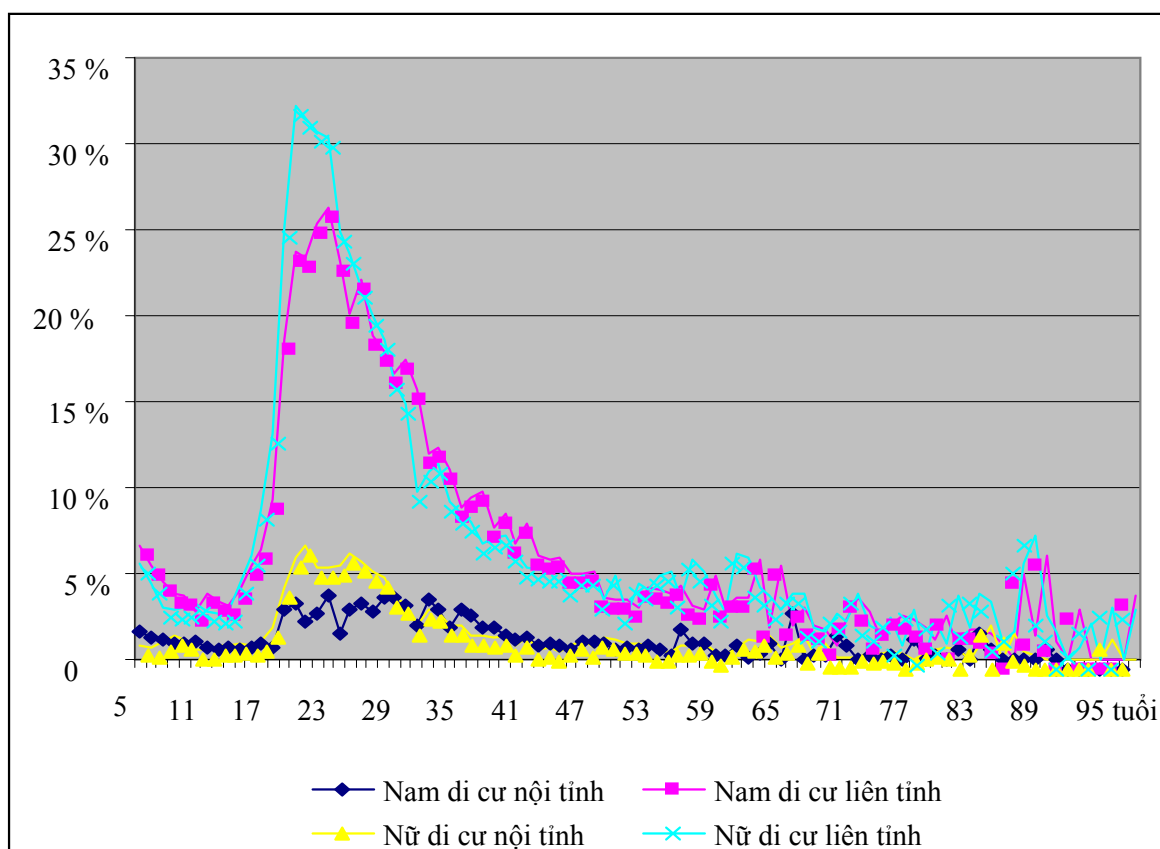
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Bộ Kế hoạch đầu tư (2011), Tình hình các KCN và các KCX (khu chế xuất) và TCTK (2010, 2001)

Bảng 2 dưới đây cho thấy, tỉ lệ của nhóm tuổi lao động của giai đoạn sau cao hơn rất nhiều so với giai đoạn trước. So sánh số lượng nhập cư và các dự án công nghiệp đang hoạt động ở Đồng Nai qua 2 giai đoạn, ta thấy, số lượng dự án các khu công nghiệp (KCN) trong khoảng thời gian khảo sát tăng xấp xỉ 2 lần, số người nhập cư vào tỉnh cũng tăng với tỉ lệ tương ứng (hơn 2 lần). Từ đó có thể khẳng định: nguyên nhân có sự chênh lệch trên là do

nhập cư lao động đột biến dưới tác động của việc phát triển ồ ạt các KCN ở tỉnh trong giai đoạn 2004-2009.

Mô hình chọn lọc về tuổi và giới tính của di cư nói chung cũng giống như nhập cư đã trình bày trên, nhưng có sự khác nhau giữa di cư nội tỉnh và di cư liên tỉnh về biên độ. Điều này nói lên tính chọn lọc của người di cư liên tỉnh cao hơn di cư nội tỉnh rất nhiều. (xem biểu đồ 1)

Biểu đồ 1. Chọn lọc tuổi và giới tính di cư tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2004-2009



2.1.2. Chọn lọc về giới tính

Tỉ số giới tính của người nhập cư ở Đồng Nai cả 2 giai đoạn chênh lệch nhau rất nhiều. Giai đoạn 1994-1999, tỉ số giới tính là 78,1 nam/100 nữ, giai đoạn 2004-2009 là 63,6 nam/100 nữ. Như vậy tỉ số giới tính của người nhập cư Đồng Nai

không giống với quy luật di cư phổ biến trên thế giới là nam nhiều hơn nữ. “Đó là do những thay đổi trong cơ cấu kinh tế dẫn đến tăng trưởng về nhu cầu lao động nữ so với nhu cầu lao động nam” [5]. Sự chênh lệch về tỉ số giới tính thể hiện rõ ở bảng 2:

Bảng 2. Số lượng và tỉ lệ người nhập cư phân theo giới tính và nhóm tuổi tỉnh Đồng Nai giai đoạn 1999-2009

Đơn vị: người

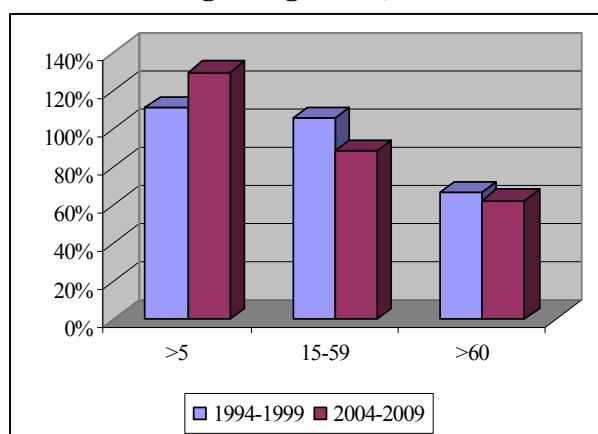
Nhóm tuổi	Tổng điều tra 1999				Tổng điều tra 2009			
	Nam	Nữ	Tổng số	Tỉ lệ	Nam	Nữ	Tổng số	Tỉ lệ
5-9	5203	4690	9893	8,8%	5184	3721	8905	3,8%
10-14	4848	4398	9246	8,2%	3822	3245	7066	3,0%
15-17	3779	3583	7362	6,5%	5406	6906	12 312	5,2%

18-19	4466	5035	9501	8,4%	10 591	15 791	26 382	11,2%
20-24	13 122	13 659	26 781	23,8%	29 660	39 089	68 749	29,2%
25-29	8773	7410	16 183	14,4%	21 833	22 883	44 717	19,0%
30-34	5341	4373	9714	8,6%	12 720	10 450	23 170	9,9%
35-39	4130	3518	7648	6,8%	8567	6937	15 504	6,6%
40-44	2926	2459	5385	4,8%	5507	4274	9781	4,2%
45-49	1660	1570	3230	2,9%	3173	3164	6337	2,7%
50-54	978	1005	1983	1,8%	2199	2662	4860	2,1%
55-59	722	823	1545	1,4%	1099	1792	2891	1,2%
60-64	607	754	1361	1,2%	732	1002	1734	0,7%
65-69	482	660	1142	1,0%	291	510	801	0,3%
70-74	280	471	751	0,7%	307	433	739	0,3%
75-79	145	307	452	0,4%	173	303	476	0,2%
80-84	77	144	221	0,2%	77	206	284	0,1%
85+	37	118	155	0,1%	101	240	341	0,1%

Nguồn: Xử lý từ số liệu 15% của tổng điều tra (TĐT) 2009

Tỉ lệ giới tính các nhóm tuổi của người nhập cư được thể hiện ở biểu đồ 2 sau đây:

Biểu đồ 2. Tỉ số giới tính người nhập cư phân theo nhóm tuổi ở tỉnh Đồng Nai giai đoạn 1999-2009



Biểu đồ 2 cho thấy:

Nhóm từ 5-14 tuổi có tỉ lệ giới tính là: 110,6 giai đoạn 1994-1999 và 129,3 giai đoạn 2004-2009; với nhóm tuổi từ 15-59 tuổi: 93,3 và 88,4; nhóm trên 60 tuổi là 66,3 và 62,4.

Ở nhóm tuổi 15-59, nhập cư nữ lớn hơn nam rất nhiều và thời kì 2004-2009 tỉ

lệ giới tính thấp hơn giai đoạn 1994-1999 là 4,9%, điều này nói lên nhu cầu lao động nữ nhiều hơn nam trong cả 2 giai đoạn và giai đoạn sau cao hơn giai đoạn trước, nó cũng chứng tỏ sự thay đổi rõ rệt trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Giai đoạn 1994-1999 bắt đầu xây dựng các KCN, các khu chế xuất (KCX) vì thế

nhu cầu lao động nam nhiều hơn, dẫn đến di cư nam chiếm ưu thế. Đến giai đoạn 2004-2009, khi các KCN, các KCX đã được xây dựng xong và đi vào sản xuất (chủ yếu là các ngành công nghiệp chế biến, các ngành công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật thấp) thì nhu cầu lao động nữ nhiều hơn. Từ đó ta thấy, cơ cấu kinh tế đã ảnh hưởng trực tiếp đến tỉ lệ giới tính của dân nhập cư ở Đồng Nai trong 10 năm qua và có thể khẳng định: kinh tế quyết định cả về số lượng và đặc điểm giới tính của dân nhập cư.

2.2. Chọn lọc về nghề nghiệp và mức độ tham gia lao động

2.2.1. Chọn lọc về nghề nghiệp

Như đã khẳng định ở trên, di cư bắt đầu là di chuyển lao động, nguyên nhân

chính là kinh tế, nên ngoài tính chọn lọc về tuổi, về giới tính, dân nhập cư ở Đồng Nai còn được chọn lọc về nghề nghiệp. Nhập cư ở Đồng Nai trong vòng 10 năm trở lại đây là nhập cư công nghiệp, vì thế đòi hỏi người nhập cư phải phù hợp với nhu cầu lao động công nghiệp. Nhu cầu về lao động kỹ thuật bậc thấp để đáp ứng cho các ngành công nghiệp chế biến và các ngành có hàm lượng kỹ thuật thấp là nguyên nhân làm cho tỉ lệ lao động kỹ thuật bậc thấp nhập cư vào Đồng Nai chiếm tỉ lệ cao nhất.

Phù hợp với sự phát triển ồ ạt của các trung tâm công nghiệp, khối ngành dịch vụ tăng khá nhanh trong vòng 10 năm trở lại đây (từ 9,8% lên 17,5% - xem bảng 3).

Bảng 3. Nhập cư tỉnh Đồng Nai phân theo tình trạng nghề nghiệp, giai đoạn 1999-2009

Nghề nghiệp	1994 -1999		2004 -2009	
	Số người	Tỉ lệ	Số người	Tỉ lệ
Nhà lãnh đạo	76	0,1%	367	0,2%
Nhà chuyên môn bậc cao	1 009	1,7%	5 409	3,0%
Nhà chuyên môn bậc trung	1 363	2,3%	6 212	3,4%
Nhân viên văn phòng	762	1,3%	7 641	4,2%
Nhân viên bán hàng	4 963	8,5%	24 104	13,3%
Lao động có kỹ năng	13 470	23,0%	8 585	4,7%
Lao động thủ công	11 720	20,0%	40 218	22,2%
Thợ vận hành máy móc	13 677	23,4%	71 402	39,5%
Lao động giản đơn	11 490	19,6%	17 017	9,4%
Tổng số	58 530	100%	180 955	100%

Bảng 3 chứng tỏ, nghề nghiệp của người nhập cư phù hợp với nhu cầu lao động công nghiệp của tỉnh trong cả 2 giai đoạn: lao động có kỹ thuật thấp, lao động của các nhà chuyên môn và khối ngành

Nguồn: Xử lý từ số liệu 15% của TĐT 2009
 dịch vụ có xu hướng tăng; lao động giản đơn giảm.

2.2.2. Chọn lọc về mức độ tham gia lao động

Mục đích chính của người di cư là

tìm việc và thu nhập nên người di cư có việc làm chiếm tỉ lệ cao hơn người không di cư. Bảng 4 cho thấy tỉ lệ có việc làm của lao động nhập cư của tỉnh là rất cao (chiếm trên 96,6% số người nhập cư lao động giai đoạn 2004-2009). Ở Việt Nam tình trạng có việc làm của người di cư là

89% (tỉ lệ phần trăm làm việc của người không di cư là 85%) [8]. Như vậy so với trung bình chung của cả nước, tỉ lệ phần trăm có việc làm của người nhập cư ở tỉnh cao hơn rất nhiều, đặc biệt ở giai đoạn 2004-2009.

Bảng 4. Tình trạng việc làm của người nhập cư tỉnh Đồng Nai giai đoạn 1999-2009

1994-1999			2004-2009		
Có việc làm (người)	Thất nghiệp (người)	Tỉ lệ có việc	Có việc làm (người)	Thất nghiệp (người)	Tỉ lệ có việc
62 485	6 646	90,4%	180 955	6 312	96,6%

Nguồn: Tính toán từ số liệu 15% của TĐT 1999 và 2009

2.2.3. Chọn lọc về chuyên môn kỹ thuật

Như đã trình bày ở trên (mục 2.2.1), nhập cư vào tỉnh trong 10 năm qua là nhập cư công nghiệp. Với sự phát triển mạnh các ngành công nghiệp có giá

trị thành sản xuất thấp đã tạo ra nhu cầu nhân công giá rẻ, vì thế lao động nhập cư chưa qua đào tạo chiếm tỉ lệ rất cao - gần 90% (xem bảng 5).

Bảng 5. Số người và tỉ lệ nhập cư phân theo tình trạng chuyên môn kỹ thuật tỉnh Đồng Nai giai đoạn 1999-2009

Tình trạng CMKT	1994-1999		2004-2009	
	Số người	Tỉ lệ	Số người	Tỉ lệ
Chưa đào tạo CMKT	84 000	89,9%	194 806	88,9%
Sơ cấp	3 879	4,2%	4 849	2,2%
Trung cấp	2 724	2,9%	10 212	4,7%
Cao đẳng	910	1,0%	2 344	1,1%
Đại học trở lên	1 897	2,0%	6 856	3,1%
Tổng số	93 410	100%	219 067	100%

Nguồn: Tính toán từ số liệu 15% của TĐT 1999 và 2009

3. Một số kết luận và kiến nghị

(i) Nhập cư lớn là một hiện tượng tất yếu ở Đồng Nai trong hơn thập kỉ qua và sẽ còn tiếp diễn trong thời gian tới, bởi đây là tỉnh có lợi thế về nhiều mặt, đặc biệt là sự năng động về thể chế, về chính sách kinh tế và dân số. Những điều kiện trên tạo ra kì vọng lớn về việc làm, thu

nhập và chất lượng cuộc sống - nguyên nhân chính của nhập cư. Với số người nhập cư lớn trong thời gian dài, nhập cư đã ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt của đời sống và sự phát triển kinh tế - xã hội. Vì thế, tỉnh cần phải có tầm nhìn lâu dài về chính sách đối với nhập cư.

(ii) Nhập cư của tỉnh trong hai thập

kỉ qua là nhập cư lao động giản đơn, hệ quả của sự chọn lọc từ việc phát triển các ngành công nghiệp có giá thành sản xuất thấp. Mặc dù đã góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phân bố lại dân cư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế - lao động, nhưng nhập cư cũng đã gây ra nhiều hệ lụy trong đời sống xã hội. Vì vậy, về lâu dài cần phải có những can thiệp về mặt chính sách một cách kịp thời, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn. Các chính sách phải hướng tới chất lượng của dân nhập cư, phải chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng thu hút lao động có chất lượng cao.

(iii) Đề phát huy những tác động tích cực của nhập cư (nhất là nhập cư lao động) và hạn chế những tiêu cực do chúng gây ra, các tổ chức chính quyền, các nhà hoạch định chính sách của tỉnh cần phải coi lao động nhập cư là một cấu thành của chiến lược phát triển bền vững, từ đó phải chú trọng hơn nữa việc đưa ra những chính sách về dân số, về phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với những đặc điểm luôn thay đổi theo từng giai đoạn. Các chính sách về di cư nói chung và nhập cư nói riêng phải trở thành một bộ phận quan trọng trong chiến lược dân số.

(iv) Mở ra luồng di cư hợp pháp được xem là hướng khả thi nhất. Điều này đòi hỏi cần phải giải quyết vấn đề, làm thế nào để quản lí một luồng di cư mở một cách tốt nhất. Để giải quyết vấn đề này, tỉnh cần đổi mới toàn diện, cụ thể công tác đăng kí, quản lí hộ khẩu phù hợp với đặc điểm của mình nhằm hạn chế

nhập cư những đối tượng không phù hợp (lao động phổ thông đang dư thừa) và khuyến khích nhập cư những đối tượng mà tỉnh có nhu cầu hiện nay và nhất là trong tương lai (lao động có trình độ chuyên môn, kĩ thuật).

(v) Cần có chính sách về công bằng xã hội: Các chính sách về công bằng xã hội liên quan đến người lao động nhập cư bao gồm: chính sách về giáo dục, về dịch vụ y tế, văn hóa và chăm sóc sức khỏe, về vốn hỗ trợ, về bảo hiểm xã hội... Các chính sách đó phải đảm bảo không có sự phân biệt giữa người nhập cư và người tại chỗ.

(vi) Để hoạch định được chính sách đúng, đưa ra những biện pháp hiệu quả hơn nhằm hướng tới việc ổn định và chủ động điều tiết các luồng di cư phù hợp, cần tổ chức nghiên cứu về di cư nhiều hơn, sâu hơn, quy mô hơn để có những số liệu tin cậy về di cư làm cơ sở cho việc xây dựng các chính sách.

Tóm lại, để có luồng nhập cư phù hợp với thực trạng và hướng phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ tích cực cho mục tiêu phát triển, tỉnh cần quan tâm trước hết đến nơi có dân chuyển đến để có sự điều chỉnh kịp thời. Có nhiều biện pháp để thực hiện, trong đó biện pháp cơ bản nhất vẫn là phát triển kinh tế - nguyên nhân chính tạo ra số lượng và chất lượng nhập cư. Cần phối hợp với các tỉnh bạn, các huyện trong việc điều chỉnh khác biệt về các điều kiện ảnh hưởng đến di cư nhằm điều chỉnh các luồng di cư phù hợp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nền kinh tế địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2010), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, Các kết quả chủ yếu*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2010), *Dự thảo Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020*.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2011), *Tình hình các khu công nghiệp, khu chế xuất Việt Nam*, Hà Nội.
4. Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai (2010), *Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai*.
5. Đỗ Thị Minh Đức và Nguyễn Việt Thịnh (2008), “Phân tích dòng di cư và tính chọn lọc của di cư vào thành phố lớn ở Việt Nam trong thập kỉ 90 (thế kỉ XX) và thập kỉ đầu thế kỉ XXI”, *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, (6).
6. Tổng cục Thống kê (2001), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 1999, Kết quả điều tra toàn bộ*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
7. Tổng cục thống kê, Quỹ dân số Liên Hiệp Quốc (2006), *Điều tra di cư năm 2004: Những kết quả chủ yếu*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
8. Tổng cục thống kê, Quỹ dân số Liên Hiệp Quốc (2006), *Điều tra di cư năm 2004: Di cư trong nước và mối liên hệ với các sự kiện của cuộc sống*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 28-9-2011; ngày chấp nhận đăng: 23-11-2011)